PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION

No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khác hàng ứng dụng ***Pioneer Shipbrokers*** *có trên* ***iOS và Android,*** *công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường*

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 29/2021

(20/07/2021 – 26/07/2021)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, tuần qua chỉ số BDI lại tăng lên mức 3.210 điểm với nhiều giao dịch sôi động. Chưa dừng ở con số hơn 20 tàu trong vòng 3 tháng gần nhất, Costamare tiếp tục mua thêm tàu *MS Charm* (32.449 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, hạn đà DD 10/2023, SS 07/2025 đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) với giá 12,5 triệu đô la Mỹ. Chủ tàu Thổ Nhĩ Kỳ bảo quản tàu rất tốt và tàu có Giấy chứng nhận chất lượng (Qualship 21 Cert) do Tuần Duyên Mỹ (USCG) cấp. Giá này cao hơn hẳn tàu *Great Resource* (31.776 dwt, đóng 2010 Trung Quốc, DD 04/2023, SS 05/2025) đã lắp hệ thống xử lý nước dằn) bán hai tuần trước với giá khoảng 11,7-11,8 triệu đô la Mỹ. Chủ tàu Hy Lạp bán tàu *Geki Star* (28.352 dwt, đóng 2008 Nhật, qua đà trung gian 02/2021) với giá 9,5 triệu đô la Mỹ. Mức này là hợp lý trong thời điểm hiện nay. Hiện handysize đóng 2003-2008 rất hiếm tàu trong khi nhu cầu mua lớn, nên người Mua muốn mua được tàu phải trả mức giá tốt để chủ tàu cân nhắc.

Ở phân khúc tàu bách hoá, ghi nhận tàu *Noble SW* (11.982 dwt đóng 2003 Nhật) sắp đến hạn đà trung gian 8/2021 được chủ tàu Đài Loan bán với giá khoảng 4,5-4,6 triệu đô la Mỹ, cao hơn khoảng 1 triệu đô la Mỹ so với đầu năm và một mốc giá tham chiếu cho tàu cùng phân khúc. Tàu lớn hơn và trẻ hơn *Lila* (12.526 dwt đóng 2007 Nhật SS+DD 07/2022) đang chào bán trên thị trường với mức giá hiện khoảng 5,5 triệu đô la Mỹ, tăng khoảng 1,5 triệu đô la Mỹ so với tháng 02/2021. Hiện có thông tin tàu *Splendor Kaohsiung* (12.192 dwt đóng 2006 Nhật, SS+DD 11/2021) bán tuần này giá 4 triệu đô la Mỹ là không chính xác, đây là thương vụ cũ, mức giá này là mức giá bán cách đây 3 tháng trước.

Ở mảng tàu dầu, tuần qua tiếp tục ghi nhận nhiều tàu bán rải rác các phân khúc. Tàu dầu/hóa chất cỡ MR *Gold Ocean* (37.320 dwt, đóng 2007 Hàn) được bán với giá 8,8 triệu đô la Mỹ. Vì hai hạn đà quan trọng đều cận kề DD 08/2021 còn SS 01/2022 nên giá tàu cũng dưới mức thị trường hiện tại. Một tàu tương tự tham khảo bán vào tháng 04 - thời điểm thị trường còn tốt - là *Nord Hummock* (37.159 dwt, đóng 2007 Hàn) với giá 9,35 triệu đô la Mỹ, hạn đà cũng không còn dài DD/SS 03/2022. Đối với phân khúc tàu nhỏ, tàu hầm thép không gỉ *Celsius Manhattan* (19.807 dwt, đóng 2006 Nhật) bán cho người Mua Đài Loan với giá 11,5 triệu đô la Mỹ song hạn đà DD/SS 10/2021 khá sát sao. Tuần trước trong cặp tàu hầm thép không gỉ chị em bán cho Woomar Pool Tankers, có tàu *Beech Galaxy* (19.998 dwt, đóng 2007 Nhật, đà DD/SS 01/2022) được chốt giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Giá này có thể xem là hơi thấp vì khi bán enbloc, chủ tàu muốn bán nhanh thường chốt ở mức giá thu hút người Mua. Còn tàu nhỏ hơn trẻ hơn là *Prime South* (12.886 dwt, đóng 2009 Hàn) ghi nhận giá rất thấp. Nguyên nhân do tàu bị chính quyền Singapore bắt giữ và tịch thu tháng 10/2020 để điều tra vụ chiếm đoạt dầu trái phép. Tàu được đấu giá rộng rãi vào đầu tháng trước, ghi nhận người Mua Đài Loan trả giá 4,3 triệu đô la Mỹ.

Với sự bùng nổ giá cước thị trường tàu container đã đẩy giá tàu hiện nay tăng cao chóng mặt, ở mức gấp ba so với quý IV/2020. Người Mua săn lùng tàu khắp nơi và người Bán có thể đạt mức giá mình mong muốn dù ban đầu có thể xem là mức giá phi lý.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Price m.usd	Buyers	Comment
			BULKERS			
Lowlands Green	2011	Japan	95.965	21.00	Polembros	Update info (last week: undisclosed price), dely 01/2022, BWTS fitted, DD due 09/2021
Glorious Wind	2010	Japan	83,410	20.00	Meadway	Dely 11-12/2021
Magnolia	2011	Japan	82,165	22.00	Greek, Diana Shipping	BWTS fitted, dely 02/2022
Komi	2015	China	63,628	25.00	Undisclosed	Dely 09/2021 with transfer of TC
Ocean Phoenix Tree	2017	Japan	62,623	29.50	Undisclosed	Dely 01/2022 on exxpiry of current TC, DD/SS 09/2022
Nord Hudson	2014	China	61,617	24.00	Undisclosed	BWTS fitted, dely 11/2021, DD 06/2022, SS 08/2024
New Aspiration	2011	Japan	61,448	21.00	Greek	BWTS fitted, basis dely with DD/SS due 10/2021
Nord Trust	2009	Japan	55,693	16.00	Undisclosed	DD 10/2022, SS 10/2024
TS Jasmine	2018	China	38,860	20.50	Undisclosed	BWTS fitted, M/E Wartsila, DD passed - 02/2021, SS 05/2023, Chinese owner
Sider Faioch	2015	China	38,800	21.20	Conti Lines	Dely 09/2021, DD 06/2023, SS 06/2025, Swiss owner
Ultra Calbuco	2017	Japan	37,981	23.10	Chellaram	Dely 12/2021
MS Charm	2010	China	32,449	12.50	Costamare	Incl an unspecified TC, BWTS fitted, DD 10/2023, SS 07/2025, Turkish owner
Geki Star	2008	Japan	28,352	9.50	Undisclosed	DD passed 02/2021, SS 07/2023
Irongate	2015	Japan	28,316	13.90	Chinese	BWTS fitted, DD 06/2023, SS 04/2025
Noble SW	2003	Japan	11,982	4.60	Undisclosed	Tween decker, DD due 08/2021, SS 09/2023, CR 2X30.5T, DR 1X30T
			TANKERS			
New Prosperity	1999	Japan	281,060	25.00	Undisclosed	M/E Sulzer, DD/SS 08/2022
SCF Ural	2002	Korea	159,314	16.40	Far Eastern	
SCF Caucasus	2002	Korea	159,173	16.40		
Governor Farkhutdinov	2004	Croatia	109,295	14.00	Undisclosed	Shuttle tank, epoxy coated, DD 09/2022, SS 09/2024
Pink Stars	2010	Korea	115,592	25.30	Greek	BB back to Sellers for 2 years
Astro Saturn	2003	Korea	105,166	12.50	Undisclosed	
Astro Sculptor	2003	Korea	105,109	12.50		

Super Lotus	2004	Japan	70,426	7.80	Chinese	Uncoiled
Gold Ocean	2007	Korea	37,320	8.80	Undisclosed	Chemical IMO II, epoxy coated, DD due 08/2021, SS 01/2022
Celsius Manhattan	2006	Japan	19,807	11.50	Taiwanese, Taihua Ship Management	Stainless steel, chemical IMO II/III, DD/SS due 10/2021
Prime South	2009	Korea	12,886	4.30	Taiwanese	Auction sale, chemical IMO II, epoxy coated, class (KR) withdrawn
			CONTAINER			
Northern Julie	2005	Korea	108,180	85.00	Swiss, MSC	Enbloc sale, 8814 teu, incl TC until 2022
Northern Jade	2005	Korea	108,106	85.00		
Wide Bravo	2015	HHIC, Philippines	65,347	260.00	Danaos	5466 teu, DD due 12/2021, SS 06/2024
Wide Juliet	2015	HHIC, Philippines	65,347			5466 teu, DD 11/2022, SS 02/2025
Wide India	2015	HHIC, Philippines	65,165			5466 teu, DD 10/2022, SS 01/2025
Wide Hotel	2015	HHIC, Philippines	65,165			5466 teu, DD 09/2022, SS 03/2025
Maersk Euphrates	2014	HHIC, Philippines	65,165			5466 teu, DD 08/2022, SS 10/2024
Maersk Indus	2014	HHIC, Philippines	65,157			5466 teu, D 09/2022, SS 09/2024
Charleston Express	2002	Taiwan	40,748	Undisclosed	Lomar Shipping	Enbloc sale, 3237 teu, **Charleston Express** (DD/SS 06/2022), **Philadelphia Express** (DD/SS 02/2023), **St Louis Express** (DD/SS 07/2022), **Washington Express** (DD/SS 01/2023), **Yorktown Express** (DD/SS 10/2022)
Philadelphia Express	2003	Taiwan	40,748			
St Louis Express	2002	Taiwan	40,748			
Washington Express	2003	Taiwan	40,748			
Yorktown Express	2002	Taiwan	40,748			
Balsa	2013	China	34,171	120.00	Undisclosed	**Balsa** (2550 teu, DD passed 06/2021, SS09/2023), **Balao** (2550 teu, DD passed 01/2021, SS 01/2023), **Ballenita** (2550 teu, DD passed 06/2021, SS 04/2023), **Banak** (2546 teu, DD 04/2022, SS 03/2024), Norwegian owner
Balao	2013	China	34,144			
Ballenita	2013	China	34,123			
Banak	2014	China	34,067			

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô (đv: đô la Mỹ)		Ngày 23/07	Ngày 18/06	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
CAPESIZE							
180k dwt	Resale	54.00	54.00	0.0	34.5	47.0	54.0
180k dwt	5 tuổi	41.50	41.00	1.2	23.0	30.6	41.5
170k dwt	10 tuổi	31.00	30.50	1.6	12.0	21.4	31.0
150k dwt	15 tuổi	21.00	20.00	5.0	6.5	13.2	21.0
PANAMAX							
82k dwt	Resale	36.50	35.50	2.8	22.5	29.3	36.5
82k dwt	5 tuổi	31.00	29.50	5.1	11.5	21.4	31.0
76k dwt	10 tuổi	23.25	21.50	8.1	7.3	13.5	23.3
74k dwt	15 tuổi	17.00	16.25	4.6	3.5	8.8	17.0
SUPRAMAX							
62k dwt	Resale	34.50	32.50	6.2	19.0	26.6	34.5

Giá trị tàu dầu (đv: triệu đô la Mỹ)		Ngày 23/07	Ngày 18/06	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
VLCC							
310k dwt	Resale	98.00	96.00	2.1	82.0	91.2	106.0
310k dwt	5 tuổi	72.50	70.50	2.8	60.0	68.0	83.0
250k dwt	10 tuổi	50.50	48.50	4.1	38.0	45.8	58.0
250k dwt	15 tuổi	36.50	35.50	2.8	21.5	30.0	40.0
SUEZMAX							
160k dwt	Resale	68.00	66.00	3.0	54.0	62.2	72.0
150k dwt	5 tuổi	49.50	48.00	3.1	40.0	47.0	62.0
150k dwt	10 tuổi	33.50	32.50	3.1	25.0	32.1	44.5
150k dwt	15 tuổi	19.00	18.75	1.3	16.0	19.4	24.0
AFRAMAX							
110k dwt	Resale	56.00	55.00	1.8	43.5	49.2	56.0

58k dwt	5 tuổi	26.50	24.50	8.2	11.0	16.7	26.5
56k dwt	10 tuổi	19.50	18.25	6.8	6.0	12.1	19.5
52k dwt	15 tuổi	14.25	12.25	16.3	3.5	7.9	14.3
HANDYSIZE							
37k dwt	Resale	29.00	27.50	5.5	17.0	21.9	29.0
37k dwt	5 tuổi	22.50	21.00	7.1	7.8	14.6	22.5
32k dwt	10 tuổi	15.25	14.25	7.0	6.0	9.4	15.3
28k dwt	15 tuổi	9.00	7.50	20.0	3.5	5.6	9.0

110k dwt	5 tuổi	40.50	40.50	0.0	29.5	35.3	47.5
105k dwt	10 tuổi	26.50	26.50	0.0	18.0	23.4	32.5
105k dwt	15 tuổi	16.50	16.50	0.0	11.0	14.3	21.0
MR							
52k dwt	Resale	39.00	38.00	2.6	33.0	36.5	40.0
52k dwt	5 tuổi	28.50	28.00	1.8	23.0	26.9	31.0
45k dwt	10 tuổi	20.00	19.50	2.6	14.5	17.8	21.0
45k dwt	15 tuổi	13.50	13.00	3.8	9.0	10.9	13.5

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulker	210,000 dwt	Undisclosed	1	Undisclosed	K-Line	FH 2024	
Bulker	210,000 dwt	Undisclosed	1	Undisclosed	NYK	FH 2024	
Bulker	210,000 dwt	Undisclosed	1	Undisclosed	Mitsui OSK	01/2025	
Bulker	66,000 dwt	Undisclosed	2	Tsuneishi Zhoushan	Orix Corp., Japan	2023	TESS66 type, the design incorporates reduced wind resistance and improved fuel efficiency
Tanker	50,000 dwt	37.70	2	Hyundai Vinashin	Capital Maritime	07/2023	Price per unit, product carriers

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật):

Giá tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 23/07	Ngày 18/06	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU HÀNG KHÔ						
Capesize (180.000 dwt)	59.5	57.5	3.5	41.8	47.8	59.5
K.sarmax (82.000 dwt)	35.5	32.0	10.9	24.3	29.0	34.5
P.max (77.000 dwt)	33.5	29.5	13.6	23.8	28.1	33.5
Ultramax (64.000 dwt)	32.5	28.5	14.0	22.3	27.0	32.5
Handysize (37.000 dwt)	29.0	26.0	11.5	19.5	23.3	29.0
TÀU CONTAINER						
Post P.max (9.000 teu)	82.5	82.5	0.0	82.5	82.9	88.0
P.max (5.200 teu)	48.5	48.5	0.0	48.0	49.1	56.0
Sub P.max (2.5000 teu)	27.0	27.0	0.0	26.0	27.2	29.5
Feeder (1.700 teu)	21.5	21.5	0.0	21.5	22.0	25.0

Giá tàu dầu đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)	Ngày 23/07	Ngày 18/06	±%	Trong 5 năm qua Thấp nhất	TB	Cao nhất
TÀU DẦU						
VLCC (300.000 dwt)	101.0	96.0	5.2	80.0	88.6	101.0
S.max (170.000 dwt)	68.5	63.5	7.9	53.0	58.7	68.5
A.max (115.000 dwt)	54.5	51.0	6.9	43.0	48.1	54.5
LR1 (75.000 dwt)	50.5	47.5	6.3	42.0	45.6	50.5
MR (56.000 dwt)	37.5	36.5	2.7	32.5	34.9	37.5
TÀU GAS						
LNG (175k cbm)	185.5	185.5	0.0	184.0	187.9	199.0
LPG LGC (80k cbm)	70.0	70.0	0.0	70.0	70.8	77.0
LPG MGC (55k cbm)	62.0	62.0	0.0	62.0	62.7	67.5
LPG SGC (25k cbm)	40.0	40.0	0.0	40.0	40.6	45.5

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Tuần qua phân khúc **Supramax** và **Ultramax** hoạt động tích cực hơn hẳn khi ghi nhận cước tăng thêm 1.051 đô la Mỹ, hiện đóng cửa ở mức 31.577 đô la Mỹ. Trong đó, khu vực tăng đáng kể nhất là Thái Bình Dương. Ở Đại Tây Dương, tàu *Lowlands Amstel* (61.177 dwt, đóng 2015 Nhật) neo tại Thổ Nhĩ Kỳ được chốt chuyến đi tới khu vực Đông Nam Á với giá 59.000 đô la Mỹ. Tàu *Equinox Dawn* (52.015 dwt, đóng 2002 Croatia) neo tại Bejaja được chốt chạy một chuyến trả tại Duola qua Oran với giá khoảng 35.500 – 36.000 đô la Mỹ. Tại Ấn Độ Dương, tàu *Safesea Anya* (56.806 dwt, đóng 2010 Trung Quốc) được chốt ngay chở gạo, giao tàu ơ Haldia và trả hu vực Tây Phi với giá 38.000 đô la Mỹ. Có tin tàu đóng mới *Jal Kalpavriksh* (66.337 dwt, đóng 2021 Nhật) được chốt giao ở Hazira và trả tại khu vực Bờ Tây Ấn Độ và Bangladesh qua UAE với giá 41.750 đô la Mỹ. Cuối cùng là khu vực Thái Bình Dương với tàu *Thor Monadic* (56.026 dwt, đóng 2006 Nhật) được chốt giao ở Anyer và trả ở Trung Quốc qua Indonesia với giá 32.000 đô la Mỹ. Ngoài ra, tàu *Amoy Action* (56.874 dwt, đóng 2010 Trung Quốc) được chốt giao ở Taichung và trả tại Trung Quốc đi Indonesia với giá 27.000 đô la Mỹ.

Phân khúc **Handysize** vẫn duy trì sức hút, cước tiếp tục tăng thêm 1.198 đo la Mỹ. Trong đó khu vực Đại Tây Dương hoạt động mạnh mẽ nhất, cước tốt với nhiều yêu cầu về thuê tàu dài hạn. Ở khu vực Địa Trung Hải, tàu *Agali* (28.202 dwt, đóng 2013 Nhật) được chốt giao ngay ở Mersin, đi Biển Đen và trả tại quanh vùng lục địa già với giá 26.000 đô la Mỹ. Evomarine chốt tàu *Xiu Yu Hai* (38.836 dwt, đóng 2016 Trung Quốc) hiện neo tại vịnh Nemrut, chở chuyến đầu từ Biển Đen đi khu vực Singapore-Nhật Bản với giá 45.000 đô la Mỹ. Tàu *Vipha Naree* (38.851 dwt, đóng 2015 Trung Quốc) được chốt giao ngay Lagos đi bờ Đông Nam Mỹ đến vùng Skaw-Passero với giá 26.500 đô la Mỹ. Hoạt động tại khu vực Vịnh Hoa Kỳ tuần qua được dịp bùng nổ với nhiều giao dịch được ghi nhận. Tàu *Maestro Pearl* (36.930 dwt, đóng 2015 Nhật) được chốt chở ngũ cốc, giao ở Đèo Tây Nam trả tại Bờ Bắc Nam Mỹ với giá 31.000 đô la Mỹ. Tàu *La Solognais* (40.481 dwt, đóng 2015 Trung Quốc) được chốt chở sắt vụn giao Bờ Đông Mỹ đi phía Đông Địa Trung Hải với giá dưới 34.000 đô la Mỹ. Đối với mảng thuê định hạn, có tin một tàu khoảng 30k dwt được chốt giao ở Piombino 1 năm trả tại nơi bất kỳ với giá 20.500 đô la Mỹ. Ngoài ra tàu *Port Alice* (33.504 dwt, đóng 2005 Nhật) cũng được chốt khai thác 1 năm, giao ở Abidjan và trả tại nơi bất kỳ với giá 23.500 đô la Mỹ. Ở phía Đông, có tin tàu *Benjamin Confidence* (34.898 dwt, đóng 2017 Nhật) neo tại Sohar, được chốt chuyến đi Vịnh Ba Tư và trả tại khu vực Singapore-Nhật Bản, dự kiến chở thép với giá 38.000 đô la Mỹ. Một tàu 37k dwt neo tại Nhật Bản được chốt chở thép chạy Đông Nam Á đi khu vực Mỹ-lục địa già với giá 29.500 đô la Mỹ cho 65 ngày thuê đầu và sau đó là 32.000 đô la Mỹ.

Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 29/2021 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 29	TUẦN 28	Mức thấp nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 29)	Mức cao nhất năm 2021 (cập nhật tới Tuần 29)
TRANSATLANTIC RV	32,925	38,550	16,608	45,050
TCT CONT/F.EAST	50,850	53,455	23,777	55,805
TCT F.EAST/CONT	17,713	18,063	4,471	18,853
TCT F.EAST RV	28,726	30,023	12,476	32,765
RATES/SUPRAMAX (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	32,783	30,648	16,333	32,812
PACIFIC RV	28,700	27,621	9,408	29,986
TCT CONT/F.EAST	53,521	53,332	18,711	53,521

GIÁ THUÊ T/C TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 26/07/2021

	US$/ngày	▼/▲	
SUPRAMAX	31,713	▲	1,196
SMALL HANDY (38BC)	31,442	▲	1,179
SMALL HANDY (28BC)	29,476	▲	1,179

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước (19/07/2021))

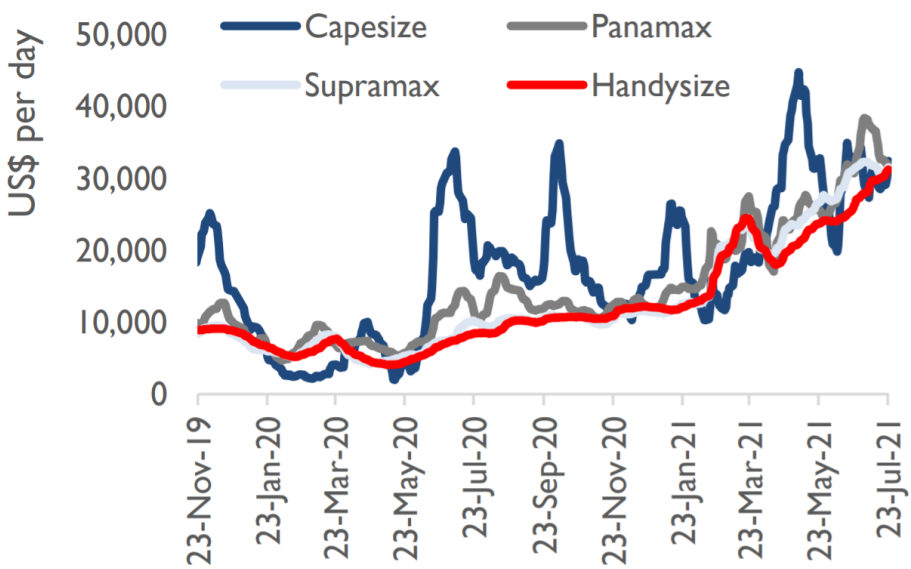

CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ

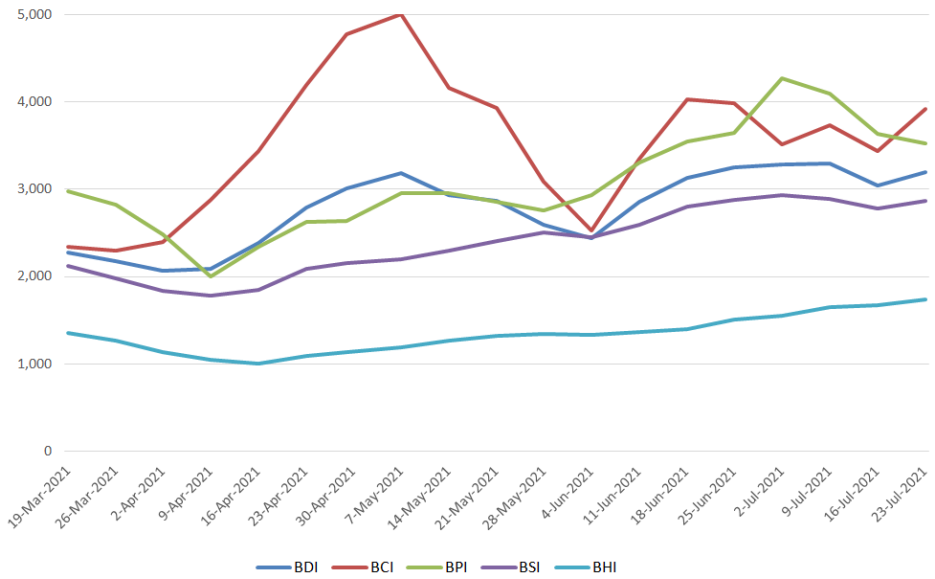

3.2. Thị trường thuê tàu dầu:

Ở mảng thuê tàu dầu, Trafigura chốt tàu *Hunter Idun* (299.995 dwt, đóng 2020 Hàn) khai thác 6 tháng với giá 30.000 đô la Mỹ và Reliance chốt tàu Maran Atlas (105.071 dwt, đóng 2009 Hàn) khai thác 6 tháng với giá 13.500 đô la Mỹ.

Bảng minh họa giá giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất:

	Giá thuê tàu định hạn tuần 29			Giá thuê tàu định hạn tuần 28		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	26,000	28,500	34,000	26,000	29,000	34,000
SUEZMAX	16,750	22,000	27,000	16,500	22,000	27,000
AFRAMAX	16,250	19,500	23,000	16,000	19,500	23,500
LR-2	17,000	21,500	24,500	17,000	21,000	24,000
LR-1	14,250	16,000	17,500	14,500	16,000	17,500
MR	12,750	13,500	16,500	12,750	13,500	16,000
HANDY	11,000	13,000	14,250	11,000	13,000	14,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU

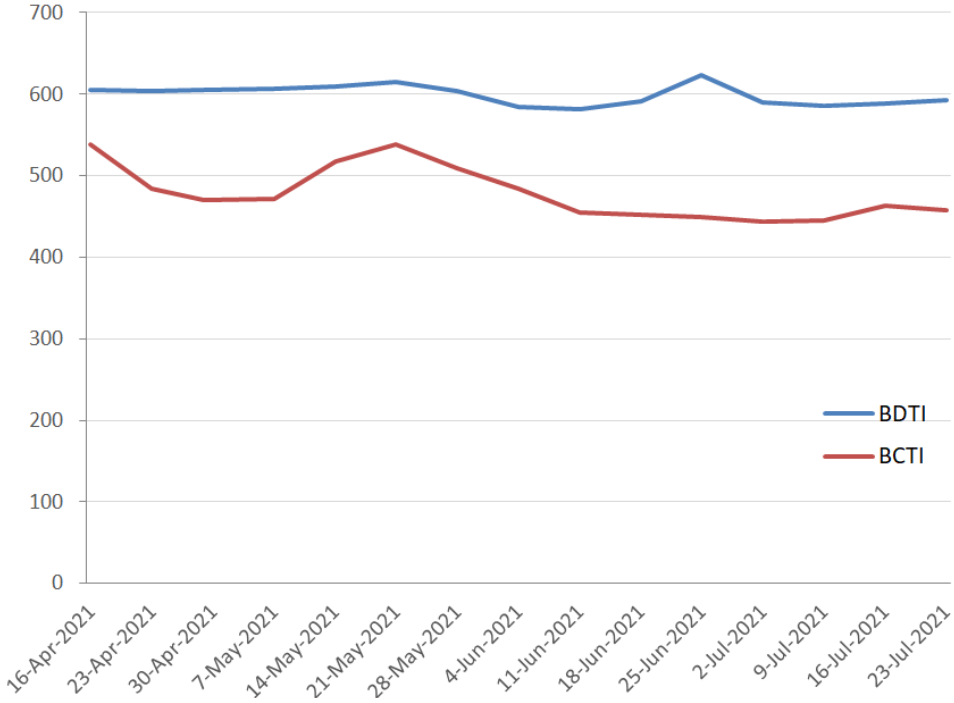

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO
(dành cho tàu có lt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời			Tàu dầu		
		US$	▼/▲		US$	▼/▲	
1	Bangladesh	590	▲	10	600	▲	10
2	Pakistan	570			580		
3	India	550	▲	10	560	▲	10
4	Turkey	280			290		

(đơn vị tính: usd/lt ldt, 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 29/2021

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US$/lt)	Dwt	Comments
Brotojoyo	Tanker	1980	12,100	Bangladesh	615.00	59,643	FPSO
Bull Sumbawa	Tanker	2001	7,718	Bangladesh	575.00	31,632	
Sart-Straum	Tanker	1980	1,100	India	605.00	2,533	Some stainless content
Saga Tide	Bulker	1991	10,456	India	-	47,029	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS
MUA – BÁN – THUÊ TÀU
Email:snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo.
Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.